

# MARKET LENS

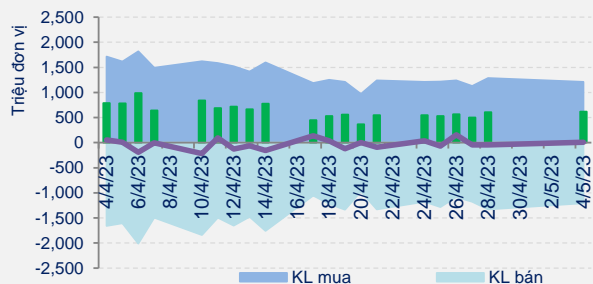
Phiên giao dịch ngày:

4/5/2023

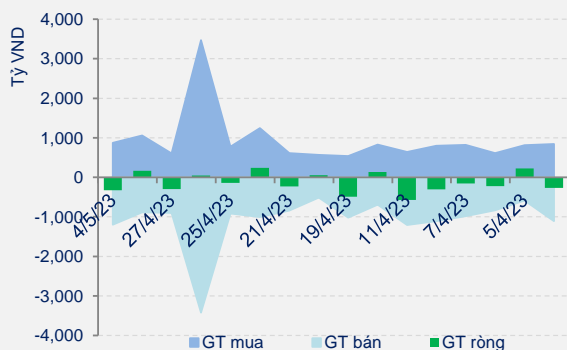
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,040.61	208.15
% Thay đổi	↓ -0.81%	↑ 0.32%
KLGD (CP)	616,910,498	87,636,136
GTGD (tỷ đồng)	10,490.69	1,287.61
Tổng cung (CP)	1,205,257,228	163,418,500
Tổng cầu (CP)	1,210,421,393	130,851,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,444,860	438,997
KL mua (CP)	28,776,760	843,400
GT mua (tỷ đồng)	872.84	22.44
GT bán (tỷ đồng)	1,198.16	10.03
GT ròng (tỷ đồng)	(325.32)	12.41

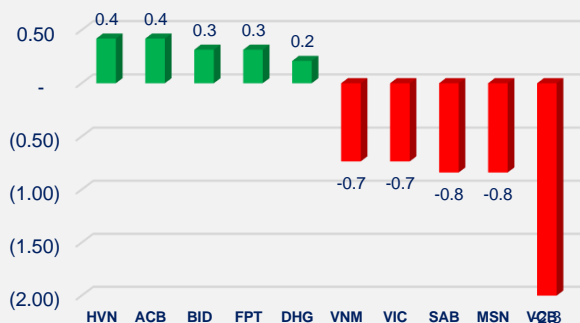
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau thông tin FED tăng lãi suất lên 5%-5,25%, VN-INDEX trong phiên giao dịch đầu tháng 05/2023 chịu áp lực giảm điểm ngay từ đầu phiên và kết phiên giảm 8,51 điểm (-0,81%) về mức 1.040,61 điểm. Độ rộng trên HOSE tiêu cực với 247 mã giảm điểm (04 mã giảm sàn), 143 mã tăng điểm (10 mã tăng trần) và 55 mã giữ giá tham chiếu. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 0,67 điểm (0,32%) lên 208,15 điểm, độ rộng tiêu cực với 94 mã giảm điểm (11 mã giảm sàn), 78 mã tăng điểm (10 mã tăng trần) và 66 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 11.775,32 tỉ đồng được giao dịch, cải thiện tốt trên sàn HNX và ở một số nhóm ngành. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị 325,17 tỉ đồng trên HOSE, tập trung ở nhóm ngân hàng, chứng khoán. Mua ròng trên HNX với giá trị 12,41 tỉ đồng.

Những thông tin quan trọng phiên hôm nay là FED tiếp tục tăng lãi suất 0,25% trong lần thứ 10 và EVN tăng 3% giá bán lẻ điện bình quân từ 1.864,44 đồng lên 1.920,37 đồng một kWh (chưa gồm thuế VAT).

Những thông tin trên ảnh hưởng đến nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng và nhóm cổ phiếu sản xuất. Trong đó nhóm ngân hàng đa phần có diễn biến giảm điểm như PGB (-5,48%), LPB (-2,50%), VCB (-2,21%), CTG (-2,08%).. ngoài một số tích cực như ACB (+2,07%), MSB (+2,13%) ..

Nhóm cổ phiếu sản xuất chịu áp lực giảm điểm trước thông tin giá điện tăng như thép, hóa chất, phân bón... với SMC (-2,88%), HPG (-1,62%), CSV (-3,08%), DGC (-0,97%), DPM (-2,38%), DCM (-1,48%)... trong khi một số mã nhóm ngành điện có diễn biến tích cực như BTP (+2,69%), PPC (+0,98%), NT2 (+0,48%)...

Mặc dù VN-INDEX giảm điểm nhưng thị trường vẫn có diễn biến khá sôi động với mức độ phân hóa lớn trong đó nhóm mã đầu tư công, xây dựng vật liệu xây dựng có thanh khoản gia tăng mạnh trở lại với C4G (+6,90%), LCG (+3,40%), PLC (+3,18%), HT1 (+2,91%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tăng giá tích cực với thanh khoản đột biến, cụ thể như AGR (+6,96%), VIX (+6,93%), BSI (+3,08%), VDS (+2,97%), MBS (+2,38%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh như NVL (-5,24%), TDC (-2,94%), SCR (-2,55%), HDC (-2,00%).. ngoài một số mã vẫn có diễn biến tích cực như API (+9,45%), NHA (+3,09%), NTL (+2,42%), NLG (+1,65%)...

Bên cạnh đó thị trường vẫn tập trung ở nhiều mã có kết quả kinh doanh Quý I/2023 cải thiện, tăng trưởng tốt trong các ngành nghề như BMP (+6,46%), VOS (4,21%), DTD (9,94%), LHG (+5,14%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2305 giảm 7,5 điểm (-0,72%), mức chênh lệch thu hẹp còn -4,64 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tiếp tục giảm, khối lượng mở xu hướng giảm OI giảm, cho thấy các vị thế nghiêng về đầu cơ trong ngày. Các kỳ hạn lớn hơn chênh lệch từ -10,14 điểm đến -12,24 điểm cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng lạc quan về triển vọng tăng trưởng của VN30.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/5/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Phiên đầu tiên thị trường mở cửa trở lại sau kỳ nghỉ lễ VnIndex lại đảo chiều giảm điểm khá mạnh, có thể thị trường đang chịu áp lực trước sự sụt giảm của thị trường chứng khoán toàn cầu khi hệ thống ngân hàng Mỹ tiếp tục chịu rủi ro thanh khoản và chi tiêu ngân sách Chính phủ Mỹ tiếp tục chạm trần. Với trạng thái hiện tại thị trường tiếp tục swing không có xu hướng rõ rệt, xu hướng tích lũy tiếp tục được củng cố.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường quay đầu giảm điểm trong phiên giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ, Vnindex đóng cửa ở 1.040,61 điểm (-8,51 điểm, -0,81%) và tiếp tục vận động dưới đường MA20. Như chúng tôi thường xuyên đề cập, trong ngắn hạn VnIndex đang trong trạng thái sideways không hình thành xu hướng rõ rệt, thị trường đã mất kênh tăng giá và đang trong trạng thái tích lũy, mặc dù rủi ro trong giai đoạn này không cao nhưng cũng không có nhiều cơ hội lướt sóng ngắn.

Tuy nhiên dưới góc nhìn Trung- Dài hạn VnIndex đang thể hiện trạng thái tích lũy chặt chẽ (VnIndex đang tạo thành mô hình Nêm được giới hạn bởi 2 đường xanh - đỏ trên biểu đồ), độ rộng của kênh vận động đang ngày càng hẹp lại với khối lượng giao dịch đang giảm thấp đến mức cạn kiệt. Trạng thái tích lũy hiện tại có thể còn kéo dài do tích lũy cạn kiệt là dạng tích lũy tin cậy nhưng cần những động lực mới để bùng nổ tạo thành uptrend. Về vĩ mô có thể thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn rất khó đoán định, kinh tế toàn cầu tiếp tục khó dự đoán khi các nền kinh tế lớn ngoại trừ Trung Quốc đang đối diện với nguy cơ suy thoái và rủi ro trên thị trường tài chính tăng cao đặc biệt là hệ thống Ngân hàng Mỹ đang đối diện rủi ro thanh khoản và chính phủ Mỹ cũng đang chi tiêu vượt trần nợ công làm nguy cơ lạm phát cao sẽ còn kéo dài, kinh tế vĩ mô Việt nam cũng đang đối diện với những khó khăn khi sức mua của nền kinh tế giảm, rủi ro của thị trường BĐS và Trái Phiếu chưa được khắc phục.... Do đó, chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn nên tạm thời hạn chế giao dịch để chờ xác nhận thị trường hồi phục nhằm tránh rủi ro xu hướng tăng ngắn hạn bị thất bại. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/5/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
VCI	32.50	28-30	36-37	27	26.9	-37.3%	-82.5%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	32.40	28.5-30	34-35	26	26.6	25.2%	-33.0%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	12.15	10.5-11.5	13.5-14	10	12.8	-44.2%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	21.30	20.2-21.2	25-25.5	19	186.8	-39.7%	-95.2%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	30.10	24-25	29-30	22	36.9	-13.6%	17.3%	Theo dõi chờ giải ngân
ITC	9.11	8.4-8.9	11-12	7.5	5.8	11.2%	422.5%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thể	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
3/9/2023	CSV	29.90	27.40	34-36	29.5	9.12%	Nắm giữ
30/3/2023	BVS	19.40	18.00	24-26	18.5	7.78%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	43.00	42.00	50-52	42	2.38%	Nắm giữ
4/4/2023	HAH	42.40	34.80	44-46	40	21.84%	Nắm giữ
19/4/2023	BMP	82.40	63.90	80-83	76	28.95%	Nắm giữ
28/4/2023	PVS	25.10	25.10	29-30	23	0.00%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

**Vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2023**

Trong 4 tháng đầu năm 2023, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và điều chỉnh đạt hơn 153,5 triệu USD. Theo đó, đã có 20 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong khoảng thời gian này. Trong đó có 41 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt hơn 140 triệu USD và có 11 lượt dự án điều chỉnh với tổng vốn đầu tư tăng thêm hơn 13,5 triệu USD.

**Fed tăng lãi suất lần thứ 10 liên tiếp**

Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) hôm 3/5 thông báo nâng lãi suất tham chiếu thêm 25 điểm cơ bản (0,25%), lên mức 5%-5,25%, cao nhất trong hơn 15 năm qua.

**PMI tháng 4 giảm còn 46,7 điểm, doanh nghiệp vẫn lạc quan dù khó tìm đơn hàng mới**

Báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI) mới nhất của S&P Global chỉ ra ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 4/2023 tiếp tục suy giảm do nhu cầu khách hàng vẫn yếu. Theo đó, cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm tháng thứ hai liên tiếp. Điều này dẫn đến việc các công ty đã cắt giảm việc làm và hoạt động mua hàng.

**Kinh tế Việt Nam: Ngược bão, duy trì đà tăng**

Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), bà Kristalina Georgieva cho rằng, trong vòng 5 năm tới, nền kinh tế thế giới phải đối mặt với thời kỳ tăng trưởng yếu nhất kể từ những năm 1990. Riêng năm 2023, IMF dự báo GDP toàn cầu sẽ chỉ tăng 2,9%. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn được nhiều định chế tài chính quốc tế dự báo tăng trưởng từ 6,3% đến 7%.

**Thị trường y tế Việt Nam: Xu hướng số hoá dự đẩy quy mô lên hơn 23 tỷ USD**

Báo cáo của Vietnam Report về thị trường chăm sóc sức khỏe và ngành dược Việt Nam mới đây ghi nhận, có hơn 42% số doanh nghiệp trong ngành nhận định ngành dược sẽ phát triển trong năm 2023. Theo đó, dự kiến đến năm 2025, tổng chi tiêu cho ngành y tế đạt 23,3 tỷ USD.

**Giá xăng giảm hơn 1.000 đồng**

Mỗi lít xăng giảm 1.250-1.310 đồng, các mặt hàng dầu cũng hạ 340-1.140 đồng, từ 15h ngày 4/5/2023.

**Chính phủ phải lo trả nợ khoảng 330.000 tỷ đồng năm 2023**

Quyết định số 458 nêu rõ kế hoạch vay của Chính phủ năm 2023 tối đa 644.409 tỷ đồng, gồm: vay cho cân đối ngân sách trung ương tối đa 621.015 tỷ đồng, trong đó, vay bù đắp bội chi ngân sách trung ương tối đa là 430.500 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc không quá 190.515 tỷ đồng. Cùng với đó, trong năm 2023, Chính phủ vay về cho vay lại khoảng 23.394 tỷ đồng.

**Giá điện tăng 3%**

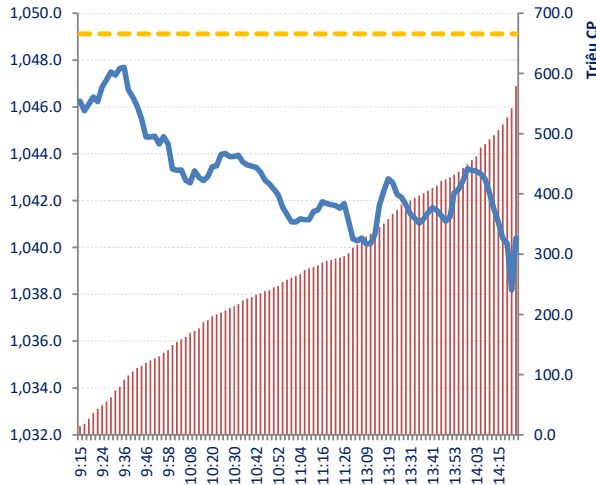
Từ 4/5/2023, giá bán điện bình quân sẽ tăng từ 1.864,44 đồng lên 1.920,37 đồng một kWh (chưa gồm thuế VAT), tương đương tăng 3%. Đây là lần tăng đầu giá điện đầu tiên kể từ năm 2019



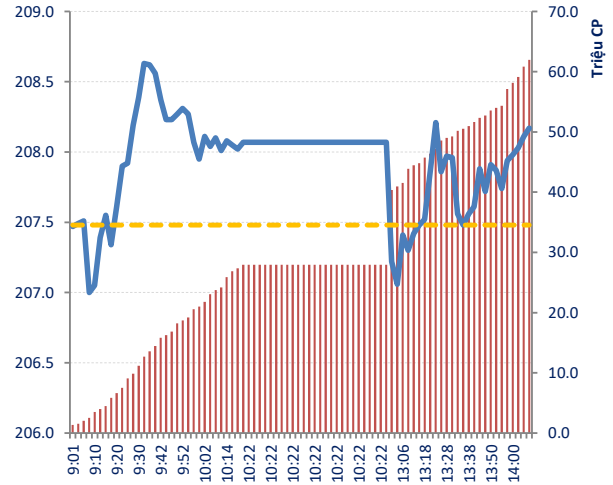
TIN DOANH NGHIỆP	
<b>Bảo hiểm BIDV tăng 6% lợi nhuận ròng quý 1</b>	Kết thúc quý 1/2023, Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BIC) ghi nhận lợi nhuận ròng tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, đạt hơn 78 tỷ đồng, nhờ lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tài chính đều tăng.
<b>VNZ lỗ ròng hơn 40 tỷ trong quý 1, tăng trích lập dự phòng 115 tỷ</b>	Quý 1/2023 tiếp tục là kỳ kinh doanh thua lỗ của CTCP VNG (UPCoM: VNZ). Theo BCTC hợp nhất quý 1/2023, Doanh nghiệp ghi nhận mức lỗ ròng hơn 40 tỷ đồng, dù doanh thu tăng trưởng.
<b>HDG lãi ròng hơn 300 tỷ đồng, tăng 24% cùng kỳ</b>	Theo BCTC quý 1/2023, CTCP Tập đoàn Hà Đô (HOSE: HDG) ghi nhận doanh thu 956 tỷ đồng, tăng 40%; lãi ròng 303 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu chủ yếu đến từ kinh doanh bất động sản (BDS) và thủy điện, điện mặt trời, điện gió.
<b>Lãi ròng niên độ 2022-2023 của TCH giảm 36%</b>	Quý cuối niên độ 2022-2023, CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HOSE: TCH) báo lãi sau thuế tăng 25% lên gần 222 tỷ đồng. Lãi ròng đạt 173.5 tỷ đồng, tăng 57%. Tuy nhiên kết quả kém tích cực đến từ việc doanh thu sụt giảm cũng như giá vốn ở mức cao trong 9 tháng đầu niên độ đã kéo lùi lợi nhuận niên độ 2022-2023 (01/04/2022 - 31/03/2023), TCH ghi nhận lãi ròng giảm 36% về mức 256.5 tỷ đồng.
<b>BaoVietBank: Lãi vốn vẹn 6.8 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu chạm 4.69%</b>	BCTC quý 1/2023 cho thấy Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaoVietBank) lãi trước thuế gần 7 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước, dù không trích lập chi phí dự phòng rủi ro. Tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ vay tăng lên 4.69% tại thời điểm cuối quý 1.
<b>Camimex Group báo lãi quý 1 đi lùi 8%</b>	Theo BCTC hợp nhất quý 1/2023, lãi sau thuế của CTCP Camimex Group (HOSE: CMX) đạt 21 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu quý 1 ở mức 242 tỷ đồng, bằng một nửa cùng kỳ. Lãi gộp ghi nhận 69 tỷ đồng, giảm 13%. Doanh thu hoạt động tài chính ở mức 15 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ, chủ yếu nhờ lãi từ chênh lệch tỷ giá gần 14 tỷ đồng.
<b>Tăng mạnh dự phòng quý 1, Nam A Bank vẫn lãi trước thuế hơn 763 tỷ đồng</b>	BCTC hợp nhất quý 1/2023 vừa công bố cho thấy Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank, UPCoM: NAB) có lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 984 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ. Ngân hàng dành ra hơn 221 tỷ đồng để dự phòng rủi ro tín dụng, gấp 4.5 lần, do đó thu được khoản lãi trước thuế hơn 763 tỷ đồng, tăng 18%.
<b>IPA lỗ quý thứ 2 liên tiếp, khoản đầu tư vào CRE lỗ hơn 570 tỷ</b>	Theo BCTC hợp nhất quý 1/2023, dù CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA) có lãi gộp 28 tỷ đồng nhưng chi phí tài chính tăng mạnh khiến Công ty lỗ sau thuế đến 148 tỷ đồng, quý trước lỗ 175 tỷ đồng.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

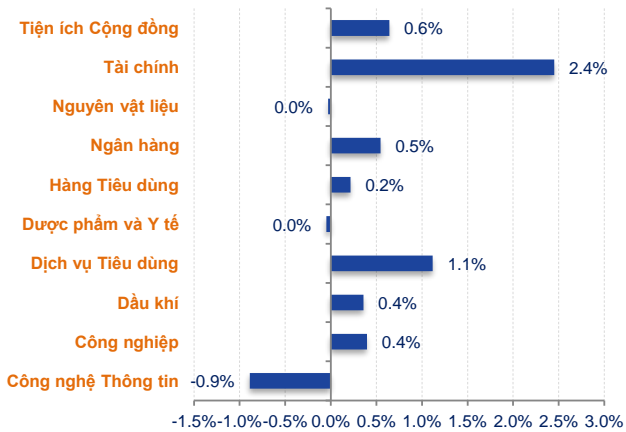
KLGD và VN-Index trong phiên



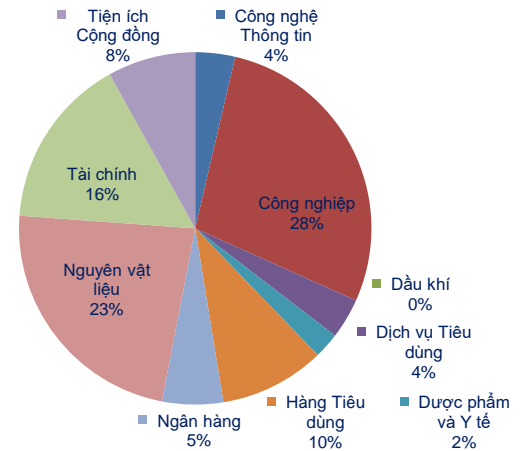
KLGD và HNX-Index trong phiên



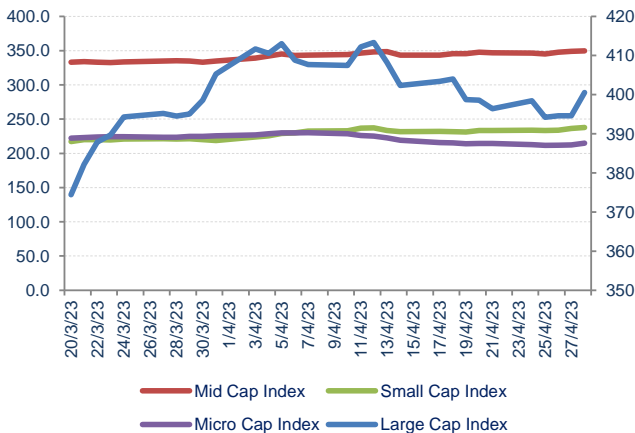
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



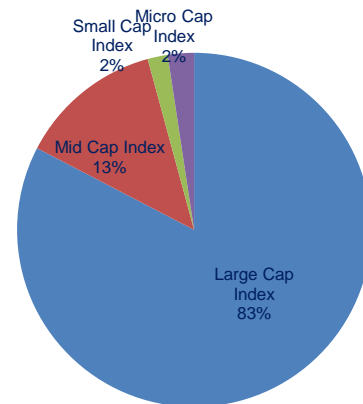
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFVND	2,547,700	SHB	1,788,200	1	PVS	386,160	SHS	122,000
2	TTF	881,100	HNG	1,224,600	2	IDC	117,800	THD	47,000
3	VIX	667,500	STB	1,190,200	3	IDJ	105,290	APS	37,050
4	VPB	589,100	CTG	1,083,400	4	PRE	21,200	PLC	20,000
5	KDH	582,600	VND	858,700	5	LAS	12,000	TTC	18,700

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	7.94	8.49	↑ 6.93%	37,487,800	SHS	10.10	10.20	↑ 0.99%	17,373,091
DIG	18.70	18.90	↑ 1.07%	29,615,900	CEO	25.30	24.90	↓ -1.58%	8,308,853
NVL	14.30	13.55	↓ -5.24%	28,428,400	APS	13.20	14.50	↑ 9.85%	6,149,323
SHB	11.20	11.05	↓ -1.34%	25,741,500	IDJ	13.30	14.50	↑ 9.02%	4,979,266
DXG	13.50	13.30	↓ -1.48%	19,065,000	MBS	16.80	17.20	↑ 2.38%	3,846,237

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DAG	4.88	5.22	0.34	↑ 6.97%	AMC	18.00	19.80	1.80	↑ 10.00%
AGR	11.50	12.30	0.80	↑ 6.96%	DTD	18.10	19.90	1.80	↑ 9.94%
HU1	6.33	6.77	0.44	↑ 6.95%	HHC	78.00	85.70	7.70	↑ 9.87%
VIX	7.94	8.49	0.55	↑ 6.93%	APS	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%
DHG	105.80	113.10	7.30	↑ 6.90%	L61	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFC	18.00	16.75	-1.25	↓ -6.94%	DDG	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
SII	15.85	14.75	-1.10	↓ -6.94%	THB	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
SRF	9.79	9.11	-0.68	↓ -6.95%	TTT	69.30	62.40	-6.90	↓ -9.96%
CLW	31.00	28.85	-2.15	↓ -6.94%	VLA	52.00	46.90	-5.10	↓ -9.81%
BTT	32.95	30.70	-2.25	↓ -6.83%	MAS	35.90	32.40	-3.50	↓ -9.75%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	37,487,800	5.4%	604	13.1	0.6
DIG	29,615,900	1.9%	236	79.1	1.5
NVL	28,428,400	5.3%	1,164	12.3	0.6
SHB	25,741,500	19.7%	2,520	4.4	0.8
DXG	19,065,000	1.6%	354	38.1	0.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,373,091	2.1%	224	45.1	0.9
CEO	8,308,853	7.7%	1,084	23.3	1.8
APS	6,149,323	-37.9%	(5,410)	-	1.1
IDJ	4,979,266	10.1%	890	14.9	1.2
MBS	3,846,237	13.0%	1,531	11.0	1.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DAG	↑ 7.0%	1.1%	124	39.3	0.4
AGR	↑ 7.0%	5.9%	679	16.9	1.0
HU1	↑ 7.0%	2.5%	380	16.7	0.4
VIX	↑ 6.9%	5.4%	604	13.1	0.6
DHG	↑ 6.9%	24.5%	7,560	14.0	3.0

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AMC	↑ 10.0%	12.6%	2,217	8.1	1.0
DTD	↑ 9.9%	12.2%	2,800	6.5	0.8
HHC	↑ 9.9%	10.0%	3,214	24.3	2.3
APS	↑ 9.8%	-37.9%	(5,410)	-	1.1
L61	↑ 9.8%	-66.9%	(9,765)	-	0.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	2,547,700	N/A	N/A	N/A	N/A
TTF	881,100	0.8%	8	525.5	4.0
VIX	667,500	5.4%	604	13.1	0.6
VPB	589,100	19.1%	2,714	7.3	1.3
KDH	582,600	10.0%	1,550	19.2	1.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	386,160	6.9%	1,849	13.7	0.9
IDC	117,800	31.7%	5,356	7.2	2.1
IDJ	105,290	10.1%	890	14.9	1.2
PRE	21,200	0.0%	-	-	1.3
LAS	12,000	6.6%	784	11.6	0.7

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	428,293	24.4%	6,318	14.3	3.2
BID	220,046	19.1%	3,590	12.1	2.1
VHM	215,541	20.6%	6,621	7.5	1.3
VIC	198,706	5.9%	2,270	23.0	1.5
GAS	177,615	26.1%	7,732	12.0	2.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,825	4.2%	697	56.7	2.3
IDC	12,738	31.7%	5,356	7.2	2.1
PVS	12,093	6.9%	1,849	13.7	0.9
KSF	11,940	5.6%	1,224	32.5	1.8
PVI	11,712	0.5%	168	298.5	1.4

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2.71	1.6%	354	38.1	0.6
DRH	2.67	0.0%	1	8,275.8	0.4
LDG	2.48	0.1%	16	265.3	0.3
TDC	2.42	2.4%	301	34.2	0.9
BCG	2.38	3.2%	680	12.3	0.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

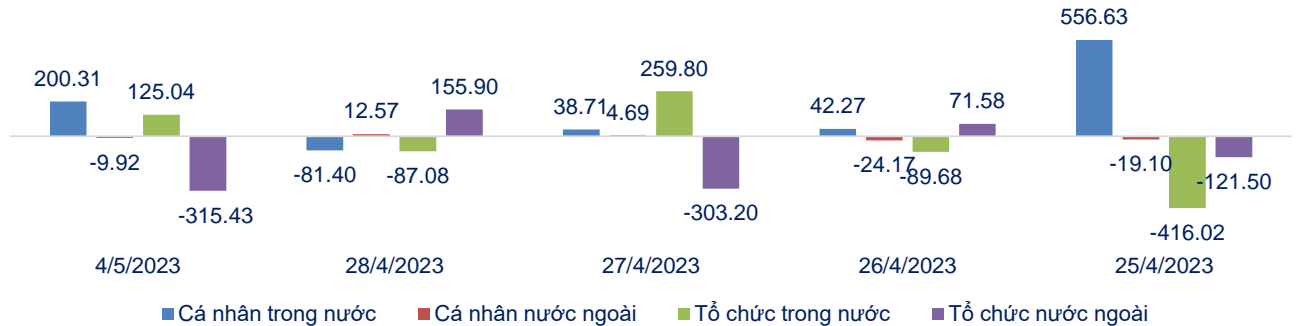
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.77	3.3%	615	80.0	3.7
APS	4.18	-37.9%	(5,410)	-	1.1
API	4.15	13.2%	1,410	9.0	1.1
CEO	4.02	7.7%	1,084	23.3	1.8
IDJ	3.84	10.1%	890	14.9	1.2





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	30.33	24.8%	4,077	17.2	4.5
KBC	28.91	8.9%	1,991	13.0	1.0
MSN	24.29	9.0%	2,511	29.1	2.8
GMD	22.35	13.3%	3,298	15.9	2.0
STB	21.27	13.8%	2,674	9.5	1.2

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	-68.28	17.6%	3,851	11.2	1.9
VPB	-29.85	19.1%	2,714	7.3	1.3
KDH	-23.19	10.0%	1,550	19.2	1.8
STG	-20.93	11.9%	2,426	22.7	2.5
PNJ	-18.56	25.0%	5,622	13.7	2.7

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	2.03	13.3%	1,999	15.9	2.0
VNM	1.71	24.8%	4,077	17.2	4.5
DXG	1.16	1.6%	354	38.1	0.6
NVL	0.96	5.3%	1,164	12.3	0.6
APH	0.86	-0.3%	(78)	-	0.3

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	-6.06	3.7%	809	36.1	1.2
DIG	-2.17	1.9%	236	79.1	1.5
ANV	-2.07	25.8%	5,260	6.1	1.4
HDB	-1.88	22.2%	3,081	6.1	1.2
DHG	-1.56	24.5%	7,560	14.0	3.0

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	67.94	17.6%	3,851	11.2	1.9
STG	20.93	11.9%	2,426	22.7	2.5
VIC	20.91	5.9%	2,270	23.0	1.5
PNJ	18.54	25.0%	5,622	13.7	2.7
VPB	18.26	19.1%	2,714	7.3	1.3

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-55.13	N/A	N/A	N/A	N/A
ACB	-16.57	26.5%	4,053	6.0	1.4
HPG	-13.01	9.1%	1,459	14.8	1.3
KBC	-11.81	8.9%	1,991	13.0	1.0
NT2	-11.55	20.0%	3,069	10.3	2.0

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	57.12	N/A	N/A	N/A	N/A
KDH	17.56	10.0%	1,550	19.2	1.8
VPB	11.34	19.1%	2,714	7.3	1.3
FRT	9.00	20.9%	3,295	19.4	3.7
VIX	5.93	5.4%	604	13.1	0.6

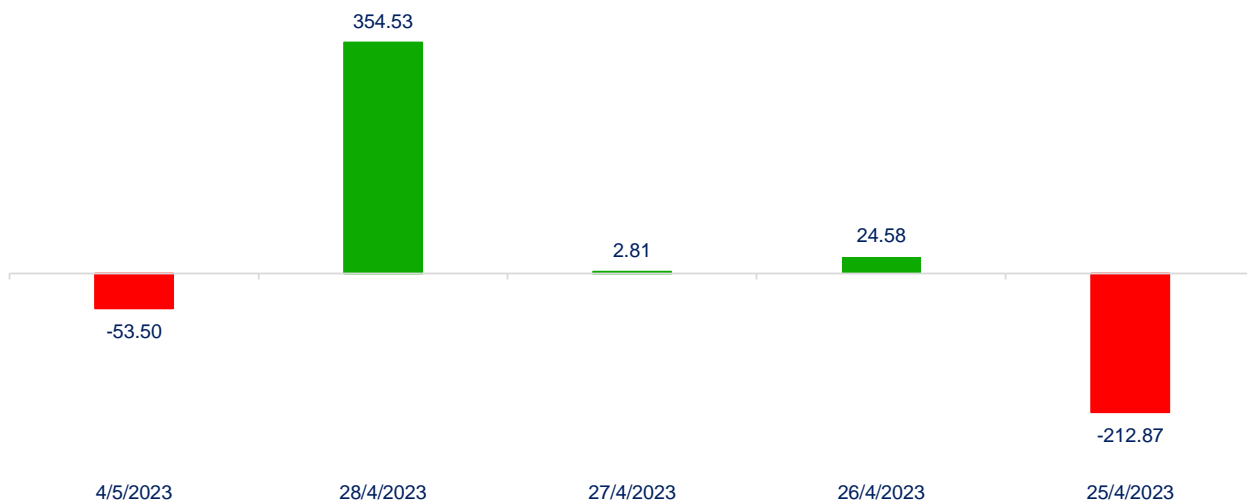
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-39.68	24.8%	4,077	17.2	4.5
CTG	-30.73	16.6%	3,491	8.3	1.3
STB	-29.92	13.8%	2,674	9.5	1.2
GMD	-28.87	13.3%	3,298	15.9	2.0
MSN	-25.26	9.0%	2,511	29.1	2.8

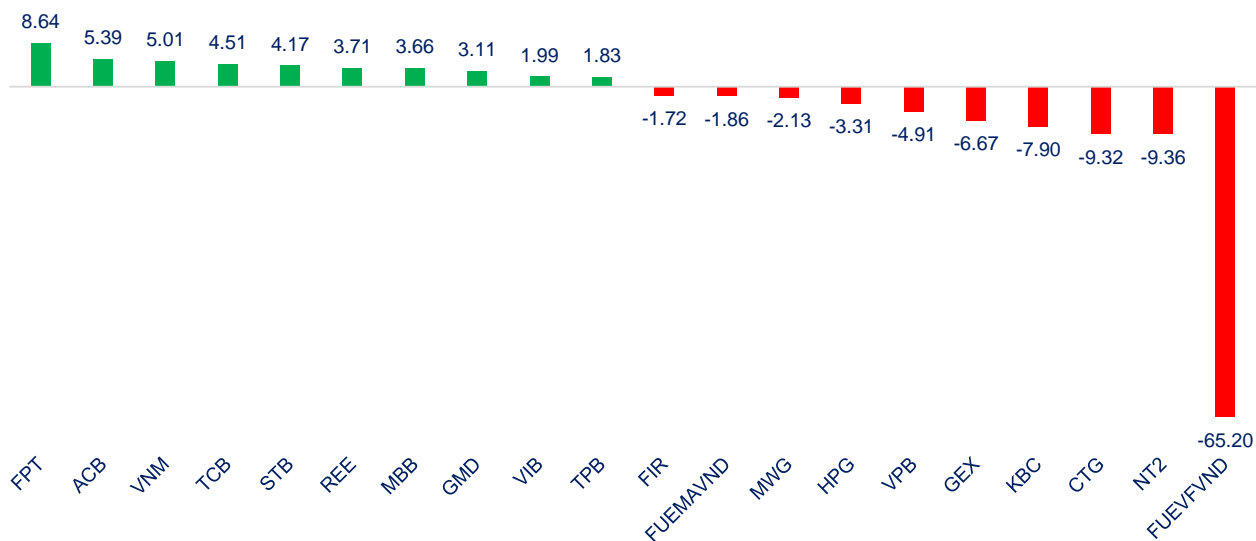


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)